

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 22 tháng 09, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	AAA	21/09/2026	7.71	6.395.300	1.660.427	3.85
2	APH	21/09/2026	7.39	1.522.900	420.370	3.62
3	DCL	21/09/2026	43.3	4.105.500	1.169.863	3.51
4	ASP	21/09/2026	16.1	623.700	189.420	3.29
5	NVB	21/09/2026	13.3	1.699.000	580.513	2.93
6	MSR	21/09/2026	51.9	4.010.300	1.701.587	2.36
7	BVB	21/09/2026	11.2	1.691.200	764.600	2.21
8	MCH	21/09/2026	143	1.171.500	533.730	2.19
9	IDC	21/09/2026	33.2	2.387.200	1.193.110	2
10	VHM	21/09/2026	68.1	17.209.800	8.816.720	1.95
11	BVH	21/09/2026	70.5	1.014.500	582.417	1.74
12	VPB	21/09/2026	28.45	33.290.700	19.123.506	1.74
13	NTL	21/09/2026	12.8	929.200	541.573	1.72
14	VOS	21/09/2026	12	912.000	536.660	1.7
15	SSI	21/09/2026	20.9	33.510.000	21.440.244	1.56
16	DRI	21/09/2026	14.9	1.027.500	697.683	1.47
17	VJC	21/09/2026	138	1.864.200	1.297.780	1.44
18	VPL	21/09/2026	81.2	1.279.300	907.933	1.41
19	FPT	21/09/2026	66.4	8.401.600	6.012.940	1.4
20	VIB	21/09/2026	13.35	6.339.000	4.570.944	1.39
21	NVL	21/09/2026	12.65	18.367.400	13.393.030	1.37
22	FCN	21/09/2026	11.1	692.400	507.267	1.36
23	PVP	21/09/2026	18.25	1.007.200	755.647	1.33
24	HHP	21/09/2026	17.4	1.693.100	1.290.173	1.31
25	VRE	21/09/2026	24.75	7.088.000	5.532.960	1.28
26	BSR	21/09/2026	31.55	14.290.400	11.725.487	1.22
27	PVT	21/09/2026	23.5	6.507.700	5.507.674	1.18
28	EVF	21/09/2026	11.45	1.595.800	1.354.743	1.18
29	VCB	21/09/2026	58.9	5.480.900	4.746.317	1.15



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAS	21/09/2026	9.2	1.817.850	71	8.71	5.62
2	ACB	21/09/2026	22.04	7.250.290	51.14	21.27	5.33
3	BVH	21/09/2026	70.5	786.310	63.36	67.66	04.02
4	DGW	21/09/2026	45	2.160.930	60.3	42.15	6.76
5	GAS	21/09/2026	88.6	1.943.970	61.83	84.09	5.37
6	HDB	21/09/2026	27.6	11.541.770	57.81	26.55	3.94
7	LPB	21/09/2026	46.1	2.370.810	36.92	45.82	0.6
8	NAB	21/09/2026	11.95	1.655.890	57.56	11.9	0.4
9	OIL	21/09/2026	14.4	3.788.750	59.73	14.17	1.65
10	PVD	21/09/2026	19.35	7.551.800	55.66	19	1.83
11	PVS	21/09/2026	33.3	4.035.380	59.76	32.22	3.37
12	SBT	21/09/2026	22.7	1.238.810	48.82	21.8	4.14
13	TNI	21/09/2026	5.3	629.580	40.44	5.21	1.82
14	VJC	21/09/2026	138	1.182.870	75.81	134.69	2.45
15	VPB	21/09/2026	28.45	24.000.260	63.41	26.89	5.79



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ASP	16.1	15.95	245.110
2	HHP	17.4	17.35	1026680

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.71	7.46	2.649.500
2	BSR	31.55	30.7	15.794.370
3	DRI	14.9	14.9	980760
4	HID	5.73	5.66	1.417.320
5	HTN	6.85	6.81	457.120
6	MSR	51.9	47.87	1.727.610
7	VPB	28.45	28.2	24.000.260

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DDV	16.8	16.6	352.910
2	DSH	11.6	11.3	99.920
3	DTD	10.2	10.2	111.270
4	ELC	13.1	12.6	307.100
5	KOS	27.95	27.95	234.900
6	PTB	28.95	28.6	98.430
7	TCM	16	15.2	754.530
8	TCX	31	30.44	2.327.730
9	THG	27.75	27.5	14.700
10	TMB	44.8	42.8	15.790
11	TOS	84.7	83	20.070
12	VCG	14.3	14.15	2.115.570

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BWE	40.85	41.6	19.430
2	CKA	51.3	52.8	29.650
3	CRC	5.15	5.16	186.620
4	CSC	8.4	8.5	32.280
5	DDV	16.8	16.9	352.910
6	DSH	11.6	11.8	99.920
7	DTD	10.2	10.3	111.270
8	ELC	13.01	13.2	307.100
9	EVF	11.45	11.5	1.684.650
10	KOS	27.95	30.5	234900
11	PTB	28.95	29.45	98.430
12	SBB	18.4	18.5	48.770
13	SKG	7.3	7.31	32110
14	TCM	16	16.2	754530
15	TCX	31	31.27	2.327.730
16	THG	27.75	27.9	14.700
17	TMB	44.8	46.9	15790
18	TNH	6.62	6.65	190950
19	TOS	84.7	85.2	20.070
20	VCG	14.3	14.35	2115570
21	VIW	23	23.1	78440



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	VJC	138	134.69	1.182.870

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACB	22.4	22.33	7.250.290
2	FPT	66.4	65.87	7.266.000
3	LDG	2.74	2.63	640570
4	MSB	13.05	13.03	3.259.490
5	TCB	32.25	32.22	11.293.110

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BID	36.2	35.92	4.307.710
2	IDC	33.2	32.59	1.413.390
3	LDG	2.74	2.74	640570
4	MBB	20.2	19.93	13.347.790
5	TCO	10.85	10.79	521.340



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BVS	28	28.32	759.690
2	VNM	60.3	60.52	2.633.450

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BVS	28	28.18	759.690
2	DGC	35.35	35.59	865.000
3	HCM	25	25.44	3360530
4	HPX	4.17	4.19	510.590
5	VFS	10.1	10.11	697.290
6	VIB	13.35	13.53	4.485.000
7	VRE	24.75	24.94	4.878.970
8	VTZ	20.3	20.33	1.141.280

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BVB	11.2	11.65	1.024.730
2	GEE	62.2	63.08	1.410.140
3	HAG	13.9	14.03	1655700
4	HAH	46.9	47.23	656.910
5	HUT	12.8	12.93	1.404.100
7	TCH	11.7	11.85	4686790
8	VCB	58.9	59.1	5410920
9	VCK	28.8	29.61	2721940
10	VIB	13.35	13.51	4485000
11	VIC	235	235.77	5311520
12	VPI	60.2	60.67	2287990
13	VTZ	20.3	20.41	1141280



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	21/09/2026	13.85	13.8	14.2	2.9	47,920
2	VTZ	21/09/2026	20.3	20	20.9	4.5	1,096,640
3	ODE	21/09/2026	45.4	45.1	47.2	4.66	19,520
4	MCP	21/09/2026	27.95	27	28.4	5.19	38,940
5	VSH	21/09/2026	41.35	40.6	42.94	5.76	6,480
6	TCL	21/09/2026	29.2	28.7	30.4	5.92	7,940
7	VNR	21/09/2026	17.7	17.4	18.6	6.9	5,080
8	CHP	21/09/2026	26	25.08	26.85	07.06	6,080
9	ABI	21/09/2026	18.9	18.1	19.4	7.18	12,180
10	TYA	21/09/2026	16.8	16.2	17.4	7.41	5,680
11	INN	21/09/2026	35.9	35	37.6	7.43	14,220
12	VNL	21/09/2026	18.9	18	19.35	7.5	62,160
13	CQN	21/09/2026	29.9	29.2	31.4	7.53	61,060
14	HTG	21/09/2026	33.6	32.8	35.31	7.65	5,060
15	DHG	21/09/2026	90.5	85.23	91.96	7.9	7,740
16	SHI	21/09/2026	14.5	13.8	14.9	7.97	239,920
17	NCT	21/09/2026	84.2	82.1	88.66	7.99	6,280
18	VCP	21/09/2026	23.4	22.5	24.3	8	10,800
19	SMB	21/09/2026	40.5	38	41.1	8.16	6,120
20	DRL	21/09/2026	42	41	44.5	8.54	6,680
21	VTO	21/09/2026	10.5	9.98	10.9	9.22	315,100
22	VLB	21/09/2026	47.4	45.7	50	9.41	7,580
23	TIP	21/09/2026	16.3	15.45	16.94	9.64	22,800
24	LBM	21/09/2026	28	26.9	29.5	9.67	7,640
25	NBB	21/09/2026	17.3	16.4	18	9.76	31,120
26	NTC	21/09/2026	129.5	125.6	137.9	9.79	11,740
27	GDT	21/09/2026	15.8	15.3	16.8	9.8	17,140



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Hạc

Thành, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009